

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203/2022/HS-ST
Ngày 30/11/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Đình Hưng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Môn.

2. Bà Nguyễn Thị Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B .

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Đặng Minh Hà - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B , tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 196/2022/TLST-HS ngày 10 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:208/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T1 , sinh năm 1984; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố TL , phường DK , thành phố B , tỉnh Bắc Giang; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 28, ngõ 401, tổ dân phố TG , phường LL , thành phố B , tỉnh Bắc Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Văn hóa: 5/12; Bố: Lê Thiết T2 , sinh năm 1950; Mẹ: Ngô Thị Th , sinh năm 1954; Vợ, con: Chưa.Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là thứ 2; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/7/2022, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang, (Có mặt tại phiên tòa).

*** Bị hại:** Ông Lê Thiết T2 , sinh năm 1950, (Có mặt).

Địa chỉ: Số nhà 28, ngõ 401, tổ dân phố TG , phường LL , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Chị Nguyễn Thị H1 , sinh năm 1984, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn ĐT , xã TD , huyện LN , tỉnh Bắc Giang.

- Anh Lê Văn H2 , sinh năm 1989, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 03, ngõ 01, tổ dân phố TL , phường DK , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

** Người làm chứng:*

- Anh Lê Văn V1 ,sinh năm 1976, (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn X , xã TT , thành phố B , tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Văn T1 , sinh năm 1984 ở cùng với bố đẻ là ông Lê Thiết T2 , sinh năm 1950 tại số nhà 28, ngõ 401, tổ dân phố TG , phường LL , thành phố B , tỉnh Bắc Giang. Do ở cùng nhà nên T1 đã nhiều lần nhìn thấy ông T2 mở két sắt đặt trong phòng ngủ của ông T2 lấy tiền chi tiêu sinh hoạt nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản trong két sắt.

Khoảng 7 giờ 30 phút ngày 30/7/2022, T1 nhìn thấy ông T2 đang nằm ngủ trong phòng nên điều khiển xe máy, nhãn hiệu Yamaha Nouvo biển kiểm soát 49N7-3671 đi ra khỏi nhà mục đích chờ khi nào ông T2 đi ra ngoài thì sẽ trở về nhà để trộm cắp tài sản. Đến khoảng 08 giờ 24 phút cùng ngày, T1 gọi điện thoại cho ông T2 hỏi thì được ông T2 nói đang đi ăn sáng ở chợ TM. Thấy vậy, T1 tắt cuộc gọi và điều khiển xe máy đi về nhà mở khoá cổng, khoá cửa rồi đi vào trong phòng ngủ của ông T2 . T1 đi tìm chìa khoá két sắt thì phát hiện chìa khoá két để ở trong chạn bát. T1 sử dụng chìa khoá này mở được két sắt. T1 lục soát lấy trong két sắt số tài sản gồm: 01 chiếc nhẫn vàng (mặt nhẫn có chữ nước ngoài, hai bên cạnh nhẫn có hình con vật, bốn góc mặt nhẫn có gắn 04 viên vật liệu không màu); 01 chiếc nhẫn màu vàng (mặt nhẫn có chữ nước ngoài, hai bên cạnh nhẫn có hình con vật có bám dính mẫu chất màu xám); 01 chiếc nhẫn vàng chế tác dạng tròn trơn, bên trong nhẫn có ghi chữ và số “999 T.VINH 2CHỈ”; 01 chiếc nhẫn vàng chế tác dạng tròn trơn, bên trong nhẫn có ghi chữ và số “999 T.VINH 3CHỈ” và 57 triệu đồng tiền mặt gồm các tờ tiền polime đều có mệnh giá 500.000 đồng.

Sau khi trộm cắp số tài sản trên, T1 cất giấu 21 triệu đồng vào dưới đệm tại phòng ngủ của T1; còn lại 04 chiếc nhẫn vàng và số tiền 36 triệu đồng thì T1

cất giấu vào trong cốp xe máy. Sau đó, T1 rút chìa khoá kết sắt ra và lấy chốt công, ổ khóa công, ổ khóa cửa nhà để tất cả vào hộc trên đầu xe máy rồi điều khiển xe đi làm tại công trình xây dựng cho anh Ngô Văn Th2 ở địa bàn xã TD , huyện LN , tỉnh Bắc Giang. Khi T1 đi qua khu vực Dốc Sàn, huyện LN thì thấy bình xăng có tiếng kêu nên dừng lại để kiểm tra xem còn xăng hay không. Kiểm tra xong, T1 lấy 04 chiếc nhẫn vàng ở trong cốp xe máy thả vào trong bình xăng rồi tiếp tục điều khiển xe đi làm.

Khoảng 09 giờ 10 phút cùng ngày, T1 đi đến địa phận xã TD , huyện LN . T1 rẽ vào cửa hàng điện thoại LH ở thôn ĐT , xã TD nhờ chị Nguyễn Thị H1 , sinh năm 1984 là chủ cửa hàng chuyển vào tài khoản ngân hàng Quân đội số 0001371465513 của T1 số tiền 40 triệu đồng thì chị H1 đồng ý. T1 đưa cho chị H1 40 triệu đồng (gồm 36 triệu đồng trộm cắp được của ông T2 và 4 triệu đồng của T1). Chị H1 sử dụng tài khoản ngân hàng Quân đội số 6540188219999 mang tên Nguyễn Thị H1 chuyển tiền vào tài khoản của T1 02 lần (một lần chuyển 30 triệu đồng và một lần chuyển 10 triệu đồng). Nhận chuyển khoản xong, T1 đi khỏi cửa hàng và điều khiển xe máy đi đến công trình xây dựng để làm việc.

Đối với ông Lê Thiết T2 sau khi đi ăn sáng về nhà thì phát hiện thấy công và cửa nhà bị mở, ông T2 đi vào phòng ngủ thì thấy kết sắt bị mở. Ông T2 kiểm tra thấy bị mất trộm toàn bộ tài sản để trong kết gồm: 04 nhẫn vàng và 57 triệu đồng tiền mặt. Ông T2 nghi ngờ T1 trộm cắp nên điện thoại cho T1 hỏi nhưng T1 không thừa nhận trộm cắp. Ông T2 thông báo cho anh Lê Văn V1 , sinh năm 1976 trú tại Thôn X , xã TT , thành phố B và anh Lê Văn H2 , sinh năm 1989, trú tại số nhà 03, ngõ 01, tổ dân phố TL , phường DK , thành phố B (đều là con trai ông T2) biết sự việc. Anh V2 điện thoại cho T1 hỏi nhưng T1 vẫn không thừa nhận trộm cắp. Sau đó, ông T2 đã làm đơn trình báo Công an thành phố B .

Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, Lê Văn T1 đi về nhà thì gặp ông T2 , anh V2 và anh H2. Mọi người tra hỏi thì T1 thừa nhận đã trộm cắp tài sản của ông T2 để trong kết sắt. T1 cùng anh H2 hút xăng ra khỏi bình xăng xe máy của T1 rồi dùng móc phơi quần áo bằng nhôm móc lấy 04 chiếc nhẫn vàng ra khỏi bình xăng và trả cho ông T2 . Sau đó, ông T2 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra 04 chiếc nhẫn này (bút lục 93).

Ngày 30/7/2022, Cơ quan điều tra đã bắt giữ Lê Văn T1 về hành vi trộm cắp tài sản. T1 đã giao nộp cho Cơ quan điều tra chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVOU BKS 49N7 - 3671; 01 điện thoại di động, nhãn hiệu Vsmart gắn 02 sim (0927.201822 và 0388.228.047); 01 chìa khoá của xe mô tô;

01 chìa khóa ổ khóa cổng nhà bằng kim loại; 01 chìa khóa ổ khóa cửa nhà bằng kim loại; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển kiểm soát 49N7-3671; 01 thẻ căn cước công dân mang tên Lê Văn T1 (bút lục 95).

Bản kết luận giám định số 5075/KL-KTHS ngày 04/8/2022 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an, kết luận:

- 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác kiểu mặt vuông có chữ nước ngoài và gắn 04 viên vật liệu không màu, hai bên mặt nhẫn có hình con vật gửi giám định có tổng khối lượng 18,79 gam (tính cả khối lượng vật liệu). Trong đó:

+ Phần kim loại vàng (Au); hàm lượng Au: 99,93 %.

+ 04 viên vật liệu không màu đều là đá CZ (Cubic Zirconia).

- 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác dạng tròn trơn, mặt trong nhẫn có các chữ, số: “999 T.VINH 3CHI” gửi giám định có khối lượng 11,25 gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,94 %.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác dạng tròn trơn, mặt trong nhẫn có các chữ, số: “999 T.VINH 2 CHI” gửi giám định có khối lượng 7,49 gam là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,93 %.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác kiểu mặt vuông có chữ nước ngoài, hai bên mặt nhẫn có hình con vật và bám dính tạp chất màu xám gửi giám định có tổng khối lượng 7,08 gam (tính cả tạp chất) không phải là vàng (Au), là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Cu: 68,94 %; Zn: 31,06 %. Nhẫn có màu vàng do được mạ chất có màu vàng không chứa vàng (Au) kim loại.

Bản kết luận định giá tài sản số 131 ngày 08/8/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B, kết luận:

- 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác kiểu mặt vuông có chữ nước ngoài và gắn 04 viên vật liệu không màu, hai bên mặt nhẫn có hình con vật gửi giám định có tổng khối lượng 18,79 gam = 05 chỉ vàng (tính cả khối lượng vật liệu). Trong đó: Phần kim loại vàng (Au); hàm lượng Au: 99,93 % và 04 (bốn) viên vật liệu không màu đều là đá CZ (Cubic Zirconia), có trị giá tại thời điểm ngày 30/7/2022 là 5.217.000 đồng/1 chỉ vàng x 5 chỉ vàng = 26.085.000 đồng.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác dạng tròn trơn, mặt trong nhẫn có các chữ, số: “999 T.VINH 3CHI” gửi giám định có khối lượng 11,25 gam = 3 chỉ là vàng (Au); hàm lượng Au: 99,94 %, có trị giá tại thời điểm ngày 30/7/2022 là 5.217.000 đồng/1 chỉ vàng x 3 chỉ vàng = 15.651.000 đồng.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác dạng tròn trơn, mặt trong nhẫn có các chữ, số: “999 T.VINH 2 CHI” gửi giám định có khối lượng 7,49 gam = 2 chỉ là

vàng (Au); hàm lượng Au: 99,93 %, có trị giá tại thời điểm ngày 30/7/2022 là 5.217.000 đồng/1 chỉ vàng x 2 chỉ vàng = 10.434.000 đồng.

- 01 nhẫn kim loại màu vàng chế tác kiểu mặt vuông có chữ nước ngoài, hai bên mặt nhẫn có hình con vật và bám dính tạp chất màu xám gửi giám định có tổng khối lượng 7,08 gam (tính cả tạp chất) không phải là vàng (Au), là hợp kim của đồng (Cu), kẽm (Zn); hàm lượng Cu: 68,94 %; Zn: 31,06 %. Nhẫn có màu vàng do được mạ chất có màu vàng không chứa vàng (Au) kim loại, có trị giá tại thời điểm ngày 30/7/2022 là 50.000 đồng (bút lục 87-88)

Về xử lý vật chứng: Ngày 08/8/2022, Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản gồm 04 nhẫn đã thu giữ cho ông Lê Thiết T2 (bút lục 98).

Đối với số tiền 21 triệu đồng mà T1 cất giấu tại phòng ngủ của T1. Ngày 05/8/2022, ông T2 và anh H2 dọn dẹp phòng phát hiện số tiền này tại dưới đệm nằm ngủ của T1 nên ông T2 đã nhờ anh H2 quản lý.

Đối với số tiền 36 triệu đồng trong tài khoản của Lê Văn T1 tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Ngày 17/10/2022, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài sản để điều tra, xử lý.

Đối với chìa khóa kết sắt, ổ khóa cửa nhà, chốt khoá cổng và ổ khóa cổng. T1 khai để vào hộc trên đầu xe máy rồi điều khiển xe đi làm tại xã TD, huyện LN nhưng đã bị rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với chị Nguyễn Thị H1 được T1 nhờ giúp chuyển khoản 40 triệu đồng vào tài khoản của T1 nhưng không biết là tài sản do T1 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

Tại Bản cáo trạng số 192/CT-VKS ngày 07 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Lê Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T1 thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, hành vi bị cáo thực hiện trên thực tế giống như hành vi đã được thể hiện trong bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B. Bị cáo thực hiện hành vi phạm tội một mình, không có ai thực hiện cùng, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội không bị ai xúi giục. Số tiền bị cáo đã trộm cắp được của ông T2 như cáo trạng nêu là đúng. Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo như vậy là đúng người, đúng tội, không bị oan. Bị cáo không bị bệnh về thần kinh. Đối với số tiền 40.000.000 đồng bị cáo nhờ chị H1 chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo thì trong đó có 4.000.000 đồng là tiền của bị cáo và 36.000.000 đồng

là tiền bị cáo trộm cắp của bố bị cáo. Bị cáo đề nghị xin trả lại số tiền trên cho bố của bị cáo là ông T2 .

Ông Lê Thiết T2 là bị hại trình bày: Số tài sản ông bị mất thể hiện trong cáo trạng là đúng. Hiện nay, Ông đã nhận lại được một số tài sản mà ông bị trộm cắp cụ thể là: 01 nhẫn vàng mặt vuông 05 chỉ, 01 nhẫn vàng tròn tròn 02 chỉ, 01 nhẫn vàng tròn tròn 03 chỉ; 01 nhẫn mạ kim loại và 21.000.000 đồng. Ông yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 36.000.000 đồng mà bị cáo đã chuyển vào tài khoản của bị cáo. Ông Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa, bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 từ 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng đến 03 (Ba) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 30/7/2022. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Lê Thiết T2 số tiền 36.000.000 đồng trong tài khoản của Lê Văn T1 tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Bắc Giang có số tài khoản là 0001371465513.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Trả lại cho bị cáo: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVOU, màu sơn đen, BKS 49N7-3671, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy của xe BKS 49N7-3671; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, vỏ màu đen, số IMEI1: 351726117891148, số IMEI2: 351726117891155, gắn 02 sim (Sim 1 số 0927.201.822; sim 2 số: 0388.228.047) điện thoại đã qua sử dụng, màn hình trước bị nứt vỡ; 01 chìa khóa của xe mô tô, có chữ “YAMAHA”; 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T1 nhưng tạm giữ xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVOU BKS 49N7-3671 để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa ổ khóa cổng nhà bằng kim loại; 01 chìa khóa ổ khóa của nhà bằng kim loại.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa đều không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng: Bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, cảm thấy rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B , Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B , Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về sự có mặt của người tham gia tố tụng: Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai của những người này nên căn cứ vào các Điều 292, Điều 293 của Bộ luật Tố tụng hình sự, xét xử vắng mặt họ.

[3] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận:

Ngày 30/7/2022, Lê Văn T1 đã mở két sắt trong phòng ngủ của bố đẻ là ông Lê Thiết T2 , sinh năm 1950 ở số nhà 28, ngõ 401, tổ dân phố TG , phường LL , thành phố B trộm cắp 01 nhẫn vàng mặt vuông 05 chỉ, 01 nhẫn vàng tròn tròn 02 chỉ, 01 nhẫn vàng tròn tròn 03 chỉ; 01 nhẫn mạ kim loại có tổng trị giá là 52.220.000 đồng và 57 triệu đồng tiền mặt. Tổng trị giá tài sản do T1 trộm cắp là 109.220.000 đồng.

Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi của bị cáo đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội là 109.220.000 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người có nhân thân tốt.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố đẻ là thương binh, bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[6] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị hại là ông Lê Thiết T2 sinh năm 1950 nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội đối với người đủ 70 tuổi trở lên quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo không những trực tiếp xâm phạm tới quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn làm ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Do vậy cần phải có một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra và cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng giáo dục riêng, phòng ngừa chung như mức đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là phù hợp.

[8] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người không có nghề nghiệp, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

[9] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là ông Lê Thiết T2 yêu cầu bị cáo trả lại số tiền là 36.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo đã nhờ chị H1 chuyển khoản vào tài khoản của bị cáo tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Bắc Giang có số tài khoản là 0001371465513 số tiền 40.000.000 đồng. Trong đó gồm có: 4.000.000 đồng là tiền của bị cáo và 36.000.000 đồng là tiền bị cáo phạm tội mà có. Hiện nay, số tiền 36.000.000 đồng đang bị cơ quan

điều tra ra lệnh phong tỏa tài khoản số 03/LPT-CQĐT ngày 17/10/2022 của Cơ quan cảnh sát điều tra nên cần chấp nhận yêu cầu của bị hại buộc bị cáo phải trả lại số tiền 36.000.000 đồng. Bị hại có quyền nhận số tiền 36.000.000 đồng trong tài khoản của Lê Văn T1 tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Bắc Giang có số tài khoản là 0001371465513.

[10] Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVOU, màu sơn đen, BKS 49N7-3671, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy của xe BKS 49N7-3671; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, vỏ màu đen, số IMEI1: 351726117891148, số IMEI2: 351726117891155, gắn 02 sim (Sim 1 số 0927.201.822; sim 2 số: 0388.228.047) điện thoại đã qua sử dụng, màn hình trước bị nứt vỡ; 01 chìa khóa của xe mô tô, có chữ “YAMAHA”; 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T1 là tài sản, giấy tờ cá nhân của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội trả lại cho bị cáo nhưng cần tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVOU, màu sơn đen, BKS 49N7-3671, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

- 01 chìa khóa ổ khóa cổng nhà bằng kim loại; 01 chìa khóa ổ khóa của nhà bằng kim loại là tài sản của ông Lê Thiết T2, ông T2 xác định đây là tài sản không có giá trị, không đề nghị xin lại nên cần tịch thu tiêu hủy.

[11] Những vấn đề khác có liên quan:

Đối với số tiền 21 triệu đồng mà T1 cất giấu tại phòng ngủ của T1. Ngày 05/8/2022, ông T2 và anh H2n dọn dẹp phòng phát hiện số tiền này tại dưới đệm nằm ngủ của T1 nên ông T2 đã nhờ anh H2 quản lý.

Đối với số tiền 36 triệu đồng trong tài khoản của Lê Văn T1 tại Ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Bắc Giang. Ngày 17/10/2022, Cơ quan điều tra đã ra Lệnh phong tỏa tài sản để điều tra, xử lý.

Đối với chìa khóa kết sắt, ổ khóa cửa nhà, chốt khoá cổng và ổ khóa cổng. T1 khai để vào hộc trên đầu xe máy rồi điều khiển xe đi làm tại xã TD, huyện LN nhưng đã bị rơi mất nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Đối với chị Nguyễn Thị H1 được T1 nhờ giúp chuyển khoản 40 triệu đồng vào tài khoản của T1 nhưng không biết là tài sản do T1 phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý.

[12] Về án phí: Bị cáo Lê Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Cần tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Văn T1 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án và áp dụng các Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự tuyên quyền kháng cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 47; Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106; Điều 136; Điều 292; Điều 293; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử:

1.1. Xử phạt bị cáo Lê Văn T1 02 (Hai) năm 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn tù tính từ ngày bị tạm giữ, tạm giam 30/7/2022.

1.2. Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo phải trả lại cho ông Lê Thiết T2 số tiền 36.000.000 đồng có trong tài khoản của Lê Văn T1 tại ngân hàng TMCP Quân đội chi nhánh tỉnh Bắc Giang có số tài khoản là 0001371465513.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về vật chứng:

- Trả lại cho bị cáo: 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVOU, màu sơn đen, BKS 49N7-3671, đã qua sử dụng; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy của xe BKS 49N7-3671; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vsmart, vỏ màu đen, số IMEI1: 351726117891148, số IMEI2: 351726117891155, gắn 02 sim (Sim 1 số 0927.201.822; sim 2 số: 0388.228.047) điện thoại đã qua sử dụng, màn hình trước bị nứt vỡ; 01 chìa khóa của xe mô tô, có chữ “YAMAHA”; 01 căn cước công dân mang tên Lê Văn T1 nhưng cần tạm giữ chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA NOVOU, màu sơn đen, BKS 49N7-3671, đã qua sử dụng để đảm bảo thi hành án.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 chìa khóa ổ khóa cổng nhà bằng kim loại; 01 chìa khóa ổ khóa cửa nhà bằng kim loại.

4. Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn T1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Văn T1 phải chịu 1.800.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

6. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND thành phố B ;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B ;
- Cơ quan THAHS Công an thành phố B ;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Bị cáo; bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- UBND phường DK , Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- UBND phường LL , Tp Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Lưu Hồ sơ vụ án; Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Dương Đình Hưng